

Bản án số: 37 /2026/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 8 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ksor H'Quá và ông Nguyễn Văn Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 12 (Cơ sở B)
- Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 152/2026/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Rchăm H, sinh năm 1993. Có mặt.

Nơi cư trú: Buôn Đ, xã P, tỉnh Gia Lai (Buôn I, xã P, tỉnh Gia Lai trước sáp nhập).

- Bị đơn: Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai (Tổ dân phố A, xã P, tỉnh Gia Lai trước sáp nhập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Rchăm H trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Trần Quang Đ đã tìm hiểu và lấy nhau năm 2015, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 18/6/2020. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2026 chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ những nguyên nhân nhỏ nhặt, vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thấu hiểu, không quan tâm và thông cảm

cho nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên tôi xin được ly hôn với anh Trần Quang Đ.

- *Về con chung*: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Trần Kỳ A, sinh ngày 25/7/2020. Trước đây ông bà nội nuôi, sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng giao cho ông Trần Quang Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Chúng tôi không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

2. Bị đơn ông Trần Quang Đ trình bày trong biên bản công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/5/2026 nhưng không ký vào biên bản mà bỏ về như sau:

- *Về hôn nhân*: Tôi và bà Rchăm H đã tìm hiểu, lấy nhau năm 2015, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 18/6/2020. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ những nguyên nhân nhỏ nhặt, tôi vẫn còn thương yêu vợ tôi muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung, nhưng nay bà R H'Djên yêu cầu ly hôn thì tôi cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Trần Kỳ A, sinh ngày 25/7/2020. Khi ly hôn tôi nhận nuôi con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Chúng tôi không có tài sản chung cũng không nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm:

Về hôn nhân: Bà H và ông Đ đã tìm hiểu và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 18/6/2020. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2026 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ những nguyên nhân nhỏ nhặt, vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thấu hiểu, không quan tâm và thông cảm cho nhau nên cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà H xin được ly hôn với ông Đ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Đ cũng thừa nhận ông và bà H lấy nhau năm 2015, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 18/6/2020. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó có phát sinh mâu thuẫn, nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông Đ cũng đồng ý.

Căn cứ vào đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Đ tại nơi cư trú, thì thấy vợ chồng bà H và ông Đ quá trình chung sống với nhau có mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Hôn nhân giữa bà H và ông Đ đã đến mức đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy bà H yêu ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Bà H và ông Đ có 01 con là Trần Kỳ A, sinh ngày 25/7/2020. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng giao con chung cho ông Đ trực tiếp trông, nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, bị đơn ông Đ cũng có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con.

Xét cháu Trần Kỳ A hiện dưới 07 tuổi, đang được ông Đ trực tiếp chăm sóc. Việc giao cháu cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ bảo đảm sự ổn định về môi trường sống, điều kiện chăm sóc và phù hợp với quyền lợi mọi mặt của cháu.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Từ các phân tích nêu trên: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228 BLTTDS năm 2015; Điều 9, 51, 53, 56, 58, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà R H'Djên được ly hôn với ông Trần Quang Đ.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Trần Kỳ A cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không, xem xét,

Về án phí ly hôn: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS và nguyên đơn bà Rchăm H khởi kiện bị đơn ông Trần Quang Đ có nơi đăng ký thường trú và cư trú tại xã P, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 (Sau đây gọi tắt là BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị ông Trần Quang Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS. HĐXX chỉ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân:

Bà Rchăm H và ông Trần Quang Đ có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Gia Lai (thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai trước sáp nhập) vào ngày 18/6/2020. Do đó hôn nhân giữa bà Rchăm H và ông Trần Quang Đ là hợp pháp.

Bà H cho rằng trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau gia đình phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp về mọi mặt, không có cùng quan điểm sống, không cùng chí hướng để xây dựng hạnh phúc. Tại Đơn xác nhận tình trạng vợ chồng mâu thuẫn không còn tình cảm được trưởng buôn I và UBND xã P xác nhận ngày 19/5/2026 đã xác nhận tình trạng vợ chồng bà H và ông Đ có mâu thuẫn trầm trọng, không còn sống chung với nhau nữa.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà R H và ông Trần Quang Đ đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng gia đình nữa, nên yêu cầu ly hôn của bà Rchăm H là chính đáng và có cơ sở, ông Đ có quan điểm nếu bà H cương quyết ly hôn thì cũng đồng ý. Do đó, HĐXX cần cho bà H được ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con:

Vợ chồng bà H và ông Đ có 01 con chung là cháu Trần Kỳ A, sinh ngày 25/7/2020. Quá trình giải quyết vụ án bà H có nguyện vọng giao cho ông Đ nuôi dưỡng, hiện cháu Trần Kỳ A đang sinh sống cùng ông Đ, ông Đ cũng có nguyện vọng nuôi con.

Do đó, HĐXX thấy cần thiết giao 01 con chung là Trần Kỳ A, sinh ngày 25/7/2020 cho ông Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp thực tế và quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con:

Quá trình giải quyết vụ án ông Đ đã nhận được các thông báo, quyết định hợp lệ của Tòa án nhưng không có ý kiến quan điểm gì về cấp dưỡng nuôi con, nên bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Nay HĐXX không xem xét đến.

[6] Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:

Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Bà Rchăm H được ly hôn với ông Trần Quang Đ trước pháp luật.

2. Về con chung:

Giao con chung chưa thành niên là Trần Kỳ A, sinh ngày 25/7/2020 cho ông Trần Quang Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Bà Rchăm H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông Trần Quang Đ. Sau khi ly hôn, bà Rchăm H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu bà Rchăm H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con là ông Trần Quang Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Ông Trần Quang Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Bà R H'Djên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:

Các đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự 2025.

5. Về án phí:

Bà Rchăm H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003435 ngày 10/4/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai. Bà Rchăm H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Rchăm H có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án (13/8/2026) còn bị đơn ông Trần Quang Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 12 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Phú Túc – Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn